

TUẦN 1- 3

I. Mục tiêu cần đạt

Giúp HS:

1. **Kiến thức:** Hệ thống lại kiến thức nghị luận xã hội.
2. **Kỹ năng:** Rèn kỹ năng viết văn nghị luận xã hội.
3. **Thái độ:** Quan tâm đến các vấn đề xã hội; tu dưỡng đạo đức, nhân cách bản thân.

II.Nội dung:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
Tiết 1: Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm dàn bài đề 1. - GV viết đề lên bảng. - Hướng dẫn HS tìm hiểu đề. - Hướng dẫn HS làm dàn bài - Hoạt động nhóm. + Nhóm 1: phần mở bài. + Nhóm 2: phần thân bài a. + Nhóm 3: phần thân bài b. + Nhóm 4: phần thân bài c.	Đề 1: <i>Suy nghĩ của anh (chị) về thực trạng tai nạn giao thông hiện nay.</i> 1- Yêu cầu của đề bài: a- Về kiến thức: - Hiểu được thực trạng về TNGT hiện nay. - Đóng góp giải pháp đảm bảo ATGT. b- Về kĩ năng - Có kĩ năng làm bài nghị luận về một hiện tượng đời sống. - Bố cục mạch lạc, lập luận chặt chẽ, lô gíc, thuyết phục. 2- Dàn ý: A- Mở bài - Giao thông là vấn đề quan trọng của một quốc gia. - Ở Việt Nam hiện nay, tai nạn giao thông ngày càng tăng. Đây là vấn đề đáng quan tâm của toàn xã hội. B- Thân bài a- Nêu thực trạng TNGT của nước ta (đưa ra các ví dụ cụ thể về các vụ TNGT) b- Chỉ ra những hiểm họa ghê gớm cùng những nguyên nhân dẫn đến TNGT. c- Những biện pháp để đóng góp giảm thiểu tai nạn đó. - Tuyên truyền cho mọi người tác hại, hậu quả nghiêm trọng của TNGT.

- Hướng dẫn HS làm kết bài. Hoạt động 2: GV nhận xét, đưa ra đáp án. <u>Tiết 2:</u> Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm dàn bài đề 1. - GV viết đề lên bảng. - Hướng dẫn HS tìm hiểu đề.	- Tự giác nghiêm chỉnh chấp hành luật lệ ATGT khi tham gia giao thông. - Tổ chức thường xuyên các cuộc thi tìm hiểu về ATGT. Cùng dâng cao khẩu hiệu “<i>Nói không với phóng nhanh, vượt ẩu</i>”, “<i>An toàn là bạn, TN là thù</i>”... - Thành lập các đợt thanh niên tình nguyện xuống đường làm nhiệm vụ trong những giờ cao điểm. - Phát hiện và báo cáo kịp thời với các cơ quan đoàn thể nơi gần nhất những trường hợp vi phạm ATGT. - Về phía trường học cần phát hiện và giáo dục những học sinh vi phạm. - Về phía chính quyền cần xử lý nghiêm khắc những trường hợp vi phạm. C- Kết bài Khẳng định việc đảm bảo ATGT là yêu cầu bức thiết trong xã hội ngày nay, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. <u>Đề 2:</u> <i>Hãy phát biểu ý kiến của anh (chị) về mục đích học tập do UNESCO đề xướng “Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình”.</i> <u>1- Yêu cầu của đề bài:</u> * Kiến thức - Trình bày được ý kiến cá nhân về mục đích học tập do UNESCO đề xướng <i>Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình</i>”. * Kĩ năng: - Viết đúng kiểu bài về tư tưởng đạo lí. - Bố cục đầy đủ. Mạch lạc. Văn viết chặt chẽ, có sức thuyết phục. <u>2- Gợi ý dàn ý:</u> A- MB: Năm 1996, Ủy ban quốc tế về Giáo dục cho TK XXI do Giắc-quơ-đê-lơ làm chủ tịch đưa ra một báo cáo khẳng định vai trò của giáo dục đối với sự phát triển tương lai của cá nhân, dân tộc và nhân loại. Báo cáo khẳng định và nhấn mạnh giáo dục là
--	--

- Hướng dẫn HS làm dàn bài. - Hoạt động nhóm. + Nhóm 1: phần mở bài. + Nhóm 2: phần thân bài a. + Nhóm 3: phần thân bài b. + Nhóm 4: phần thân bài c.	“<i>kho báu tiềm ẩn</i>” và đã đưa ra một tầm nhìn về giáo dục cho thế kỉ XXI dựa trên bốn trụ cột: <i>Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình</i>”. B- Thân bài: a- Học để biết: - Kiến thức của nhân loại vô cùng, còn sự hiểu biết của cá nhân là hữu hạn nên chúng ta luôn phải cố gắng, siêng năng tìm tòi, học hỏi tích lũy tri thức, nâng cao nhận thức và hiểu biết. - Hiểu biết nhiều, nắm được nhiều tri thức sẽ giúp ta sống có mục đích, có ích hơn, thông minh và năng động hơn. b- Học để làm: - Học để biết thôi chưa đủ mà còn phải biết “<i>làm</i>” (thực hành). Biết áp dụng những cái đã học vào công việc để lí thuyết trở thành thành qur cụ thể, hữu dụng thực sự “<i>học đi đôi với hành</i>”. c- Học để cùng chung sống: - Học để biết cách sống chung với mọi người. Học để rèn luyện sẽ cho chúng ta những hiểu biết, kĩ năng, kinh nghiệm để hiểu để hiểu được mọi người xung quanh, cải thiện mối quan hệ theo chiều hướng tích cực, tốt đẹp. - Quan hệ tốt với mọi người sẽ giúp chúng ta cảm thấy vui vẻ hơn, sống có ý nghĩa hơn, thuận lợi trong cuộc sống... - Đây cũng được coi là mục đích quan trọng, then chốt của giáo dục hiện đại, giúp con người có thái độ hoà bình, khoa dung, hiểu biết và tôn trọng lịch sử, truyền thống và những giá trị văn hoá và tinh thần của nhau. - Học để cùng chung sống cũng nhằm trang bị cho người học những tri thức, kĩ năng, giá trị và thái độ cần thiết cho cuộc sống, nghề nghiệp để vào đời, làm cho họ có được nhận thức về sự khác biệt và đa dạng cũng như sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước và các dân tộc trên thế giới, làm cho tình đoàn kết trở thành phương tiện chống sự kì thị và xung đột. C- Kết bài:
--	---

+ Nhóm 4: phân biện pháp. - Câu hỏi nâng cao: Thái độ của chúng ta? (HS khá giỏi) - Hướng dẫn HS làm kết bài. Hoạt động 2: GV nhận xét, đưa ra đáp án. Tiết 4: Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm dàn bài đề 1. - GV viết đề lên bảng - Hướng dẫn HS tìm hiểu đề	AIDS: - Nên đối xử thân thiện.. mở lòng đón nhận họ, chia sẻ đồng cảm thật sự với họ. - Giúp đỡ, chia sẻ để họ vượt qua được bệnh tật, can đảm sống tiếp, sống có ích - Tổ chức các buổi giao lưu giữa các bệnh nhân HIV, tạo điều kiện cho họ hoà nhập vào cuộc sống. - Vận động, khuyến khích gia đình và mọi người xung quanh có thái độ đồng viên, chia sẻ, không kì thị đối với họ, giúp đỡ họ vượt qua bệnh tật để sống lạc quan hơn. C- Kết bài: - Cần có thái độ đúng đắn, không nên phân biệt đối xử đối với người nhiễm HIV/AIDS. - Thân thiện, đồng viên, giúp đỡ, chia sẻ, chung tay cùng thế giới làm giảm số lượng người nhiễm HIV, góp phần ngăn chặn và đẩy lùi đại dịch nguy hiểm này. <u>Đề 4</u> <i>Internet là con dao hai lưỡi.</i> 1- Yêu cầu: a- về kiến thức: Học sinh cần hiểu Internet là gì? Hiểu nó là con dao 2 lưỡi nghĩa là thế nào? Tại sao lại nói như vậy? Bày tỏ ý kiến đồng tình, phản đối hoặc chỉ tán thành một phần nhận định trên. b- Về kĩ năng: Biết làm một bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống xã hội. đây là một dạng đề mở chỉ nêu đề tài. H/S cần vận dụng hiểu biết thực tế về ứng dụng Inter net trong đời sống hiện nay để nêu được những nhận xét, đánh giá của mình, về tiện ích cũng như tác hại của internet. Biết kết hợp nhiều thao tác lập luận để làm sáng tỏ vấn đề. A- Mở bài Giới thiệu Internet và tác dụng to lớn của nó trong thười đại đại công nghiệp thông tin hiện nay. Nhưng “Intrnet là con dao hai lưỡi”, nó chỉ phát huy tối đa khi người sử dụng nó được trang bị đầy đủ kiến thức cũng như văn hoá Tin học.
--	---

+ Nhóm 3: mặt trái Internet.	- Việc Internet cung cấp thông tin khổng lồ cho người sử dụng tiềm ẩn nguy cơ làm văn hoá đọc bị lấn át. Người dùng ỉ nại Internet đánh mất hứng thú đọc sách, tìm tòi, suy ngẫm, sáng tạo. Kiến thức tìm trên mạng sẽ được nhiều người tiêu hoá vội vàng, để rồi tiếp tục tạo ra những sản phẩm tinh thần dễ dãi, thiếu chất lượng. - Những dịch vụ Internets mang lại cho con người cũng có nhiều tác hại ngấm ngấm và to lớn: Việc say sưa quá độ với các trò chơi điện tử, truy cập các trang Wb đen, chát qua net khiến nhiều bạn trẻ trẻ bê trễ việc học hành, sống buông thả, ích kỉ... Hiện tượng “nghiện” Internet là nguyên nhân dẫn đến vi phạm pháp luật trong thanh niên học sinh. - Internet cũng là nơi kẻ xấu lợi dụng làm phương tiện để truyền đi những thông tin không có lợi, mưu cầu cá nhân, thực hiện những âm mưu chính trị gây rối trật tự an ninh xã hội... - Internet, một mặt tạo điều kiện cho con người giao lưu, chia sẻ với nhau một cách thuận tiện nhưng mặt khác nó cũng là một trong những thủ phạm phá vỡ kết nối giữa cá nhân trong xã hội, kéo con người ra khỏi đời sống cộng đồng, đẩy họ vào vỏ bọc cá nhân khi họ rơi vào tình trạng “nghiện” Internet, say mê thế giới ảo, bỏ quên thế giới thực tại. - d- Làm thế nào để Internet phát huy tác dụng của nó tốt nhất trong cuộc sống hiện nay: - Người truyền tin có ý thức sâu sắc điều họ đang truyền đi có ảnh hưởng mạnh mẽ và rộng lớn đối với xã hội, toàn cầu. Cần xây dựng một văn hóa Internet cho những người sử dụng, phát huy tối đa những tiện ích khổng lồ của Internet. - Người sử dụng: + Sử dụng đúng mục đích: để mở mang hiểu biết, làm giàu trí tuệ cũng như nâng cao năng lực độc lập tư duy, khả năng tổng hợp thông tin... Giải trí bằng Internet chỉ là một trong nhiều mục đích của Internet. + Sử dụng có hiểu biết: Hiểu biết về Tin học để tránh mất thời gian khi truy cập Internet, bởi Internet là kho tri thức khổng lồ của nhân loại mà ở đó chúng ta chỉ cần vào Google, gõ Search là có thể đọc được vô vàn
-------------------------------------	---

thông tin về mọi lĩnh vực. Có hiểu biết về văn hoá để đủ bản lĩnh khi đứng trước một bãi rác khổng lồ với nhiều trang Web đen, những địa chỉ đen, khôn gít các thông tin, luồng tư tưởng, quan điểm trái ngược, tiêu cực...

+ Sử dụng một cách chủ động, thông minh, linh hoạt: Không hoàn toàn ỉ nại vào văn hoá Internet, cần sử dụng phù hợp với điều kiện thời gian, hoàn cảnh học tập và việc làm của mỗi cá nhân, nhất là đối với học sinh hiện nay. Tránh bị lệ thuộc hoàn toàn vào Internet trong khi chúng ta được trang bị hệ thống sgk, tài liệu tham khảo chưa phong phú, thời gian cho mỗi môn học còn hạn hẹp, cơ sở vật chất cho mỗi trường học cũng như mỗi cá nhân học sinh (trình độ máy tính, Tin học chưa đồng đều).

- Cơ quan quản lí có những biện pháp tích cực để kiểm soát chặt chẽ những thông tin tung lên mạng, quản lí cơ sở dịch vụ Internet công cộng. Ngành giáo dục cần phổ cập và nâng cao kiến thức Tin học có tính ứng dụng thiết thực như kĩ năng sử dụng Internet, lập bog, kĩ năng tìm kiếm với Google,.. sử dụng e-mai...

d- Em đã sử dụng Internet như thế nào trong quá trình học tập. Rút ra bài học cho bản thân trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin.

C- Kết luận

Internet nói riêng và công nghệ thông tin nói chung luôn là con dao hai lưỡi. Dù nó có nhiều tiện ích không thể phủ nhận, nhưng quyết định việc ứng dụng nó như thế nào là do người- chủ nhân của những tiến bộ khoa học kĩ thuật đó. Mỗi học sinh chúng ta cần trau dồi nâng cao hơn nữa trình độ, kiến thức, văn hoá về Internet để phát huy tối đa tiện ích của Internet trong thời đại kinh tế, tri thức bùng nổ như hiện nay.

Đề 5

Suy nghĩ của anh (chị) về thái độ thiếu trung thực của một số bạn trẻ học đường hôm nay.

1- Yêu cầu:

*** Về kiến thức:**

- Hướng dẫn HS làm dàn bài - Hoạt động nhóm. + Nhóm 1: phần giải thích + Nhóm 2: thực trạng ?. + Nhóm 3: tác hại?. + Nhóm 4: giải pháp?. - Hướng dẫn HS làm kết bài. Hoạt động 2: GV nhận xét, đưa ra đáp án.	sinh phát hiện tiêu cực và gian lận trong thi cử. C- Kết bài: - Khẳng định trung thực là đức tính cần thiết và tốt đẹp nhất của con người. - Học sinh cần phát huy tính trung thực trong học tập trong thi cử. Chỉ có học thật mới có kết quả tốt đẹp. - Thể hiện niềm tin trong tương lai: thái độ thiếu trung thực trong học tập, thi cử sẽ được khắc phục. Sống và học tập hết mình để trở thành người kế thừa và góp phần phát triển đất nước. <u>Đề 6:</u> Theo anh (chị) làm thế nào để môi trường của chúng ta ngày càng xanh, sạch, đẹp? 1- Yêu cầu: * Về kiến thức: - Chỉ ra việc bảo vệ môi trường là cần thiết và hết sức quan trọng. - Đề xuất được các biện pháp bảo vệ môi trường hiệu quả. * Kỹ năng: Bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống. A- MB: - Môi trường sống có ảnh hưởng vô cùng quan trọng đến sức khỏe, cuộc sống của con người. - Bảo vệ môi trường cũng chính là xây dựng cho con người một môi trường trong lành để sống khỏe, sống có ích. B- TB: a- Vì sao chúng ta phải bảo vệ môi trường? - Con người sống và phát triển được phải nhờ vào điều kiện tự nhiên (nước, không khí...). - Hiện nay chúng ta đang phải đối mặt với tình trạng nguồn nước, không khí đứng trước nguy cơ ô nhiễm nghiêm trọng vì sự vô trách nhiệm của con người. - Rừng trên thế giới và ở nước ta nhiều năm qua đã bị khai thác, đốt phá quá mức đang bị huỷ hoại nghiêm trọng. - Rác thải và xử lý về nước thải ở mức báo động cao về an toàn an toàn vệ sinh gây nguy hiểm cho sức khỏe con người (VD....)
---	---

Tiết 6: Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm dàn bài đề 1. - GV viết đề lên bảng. - Hướng dẫn HS tìm hiểu đề. - Hướng dẫn HS làm dàn bài. - Hoạt động nhóm. + Nhóm 1: mở bài? + Nhóm 2: Vì sao chúng ta phải bảo vệ môi trường? + Làm thế nào để tham gia bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp?. + Nhóm 3: đối với xã hội. + Nhóm 4: đối với cá nhân. - Hướng dẫn HS làm kết bài. Hoạt động 2: GV nhận xét, đưa ra đáp án.	=> Cho nên bảo vệ môi trường là việc làm cấp thiết cần hành động ngay. b- Làm thế nào để tham gia bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp? - Đối với xã hội: + Khai thác tài nguyên thiên nhiên hợp lí, không làm ô nhiễm nguồn nước, không khí, không ảnh hưởng xấu đến bầu khí quyển bảo vệ trái đất. + Cần có phương án bảo vệ các loài thú, đặc biệt những loài đang đứng trước sự diệt vong. Tích cực tu bổ, làm phong phú thêm thiên nhiên (trồng cây, gây rừng). + Khi xây dựng nhà máy, cơ sở sản xuất cần tôn trọng và thực hiện đúng các yêu cầu đối với việc bảo vệ môi trường và xử lí tích cực nguồn khói thải, nước thải, chất thải công nghiệp... - Đối với cá nhân: + Cùng với xã hội tích cực thực hiện việc bảo vệ môi trường, đó là quyền lợi và nghĩa vụ của chúng ta. Cần có hành động thiết thực làm cho môi trường sống ngày càng xanh, sạch, đẹp. + Đối với học sinh: Ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường phải luôn có ý thức giữ gìn môi trường lớp, không vứt rác bừa bãi ra trường lớp, thường xuyên tham gia các hoạt động trồng cây xanh do nhà trường và địa phương tổ chức. C- KB: - Nêu ý nghĩa thiết thực của những hành động bảo vệ môi trường. - Hãy cùng nhau xây dựng môi trường sống xanh, sạch, đẹp ngay từ bây giờ vì một xã hội ngày càng văn minh, tốt đẹp.
---	---

Củng cố, dặn dò

TUẦN 4

I. Mục tiêu cần đạt

Giúp HS:

2. **Kiến thức:** Hệ thống lại kiến thức văn bản “Vào phủ chúa Trịnh”.
2. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết văn nghị luận văn học.
3. **Thái độ:** Ý thức tìm hiểu lịch sử; cảm phục nhân cách LHT.

II.Nội dung

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
Tiết 1: Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm đề 1. - GV ghi đề lên bảng. - Hệ thống lại kiến thức văn bản “Vào phủ chúa Trịnh”. - Hướng dẫn HS làm dàn bài. - Hoạt động nhóm. + Quang cảnh trong phủ chúa được giới thiệu như thế nào? + Nhóm 1: Quang cảnh bên ngoài? + Nhóm 2: Những nghi thức, cung cách sinh hoạt trong phủ chúa?	<u>Đề 1:</u> Anh (chị) hãy phân tích đoạn trích “Vào phủ chúa Trịnh” <u>I/MB:</u> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu luận đề. <u>II/TB:</u> 1. Quang cảnh trong phủ chúa (được miêu tả từ ngoài > trong, từ bao quát đến cụ thể). a. Quang cảnh bên ngoài - Phải qua mấy lần cửa, vườn hoa đầy sắc hương và tiếng chim riu rít, những dãy hành lang quanh co nối tiếp nhau. - Đến hậu mã – nơi quân Hậu mã chờ sẵn để chúa sai, cột và bao lươn lươn vàng, nhà “Đại đường” tất cả các cột và đồ dùng đều sơn son thiếp vàng... - Vào nội cung cảnh càng xa hoa tráng lệ: trường gấm, màn là, xập vàng, ghế rồng, hương hoa ngào ngạt... -> Quảng cảnh cực kì xa hoa, lộng lẫy. Tác giả đã ngâm lên bài thơ để diễn tả hết sự sang trọng, vương giả trong phủ chúa. b. Những nghi thức, cung cách sinh hoạt trong phủ chúa. - Trong phủ có nhiều loại quan và người phục dịch, người làm một nhiệm vụ. - Lời lẽ nhắc đến chúa Trịnh và thế tử phải hết sức cung kính.

+ Nhóm 3: Cách nhìn của tác giả đối với đời sống nơi phủ chúa?	- Thế tử chỉ là một đứa bé năm sáu tuổi, mạch xong lại lay, 4 lay nữa mới được lui ra. Muốn xem thân hình thế tử để chuẩn đoán bệnh phải có quan viện nội thần đến xin phép cởi áo cho thế tử... - Tác giả vào đến nội dung không những không được thấy mặt chúa, tất cả chỉ làm theo lệnh và thông qua quan chánh đường. ->Cảnh nội dung trang nghiêm phản ánh quyền uy tốt bậc của nhà chúa.◇ c. Cách nhìn của tác giả đối với đời sống nơi phủ chúa: - Tác giả không bộc lộ trực tiếp thái độ nhưng qua việc chọn chi tiết để kể và tả, đôi lúc xen vào lời nhận xét khách quan, phần nào thấy được thái độ của ông: + Ông nhận xét cảnh xa hoa, lộng lẫy tập nập ở phủ chúa “khác hẳn người thường” đến mức không tưởng tượng nổi, “khác nào ngư phủ đào nguyên thừa nào”. + Được mời ăn cơm: tác giả nhận xét “toàn của ngon vật lạ” + Tác giả nhận xét nguyên nhân nơi phủ chúa cái gì cũng đẹp, cái gì cũng sang nhưng thái độ của tác giả lại tỏ rõ sự dung dung, không đồng tính với cuộc sống quá tiện nghi, quá sang trọng, khác thường như vậy. Đó là cuộc sống ăn chơi, hưởng lạc xa xỉ nhưng lại chẳng có tự do sinh khí.
+ Nhóm 4: Phẩm chất người thầy thuốc?	2. Phẩm chất người thầy thuốc: - Tuy ông ở quê nhưng tiếng tăm của ông “như sấm bên tai các thầy thuốc giỏi ở trong cung. Ông hiểu rõ căn bệnh thế tử nhưng sợ chữa khỏi ngay sẽ bị giữ lại bên chúa, bị công danh trói buộc. Chứng tỏ ông là người khinh thường danh lợi. - Ông muốn chữa bệnh cảm chùng cho thế tử nhưng lại thấy trái với ý đức, phụ lòng của cha ông...

+ Nhóm 5: Nét đặc sắc trong bút pháp kí sự của tác giả? + Nhóm 6: Giá trị của đoạn trích? Kết bài? Tiết 2: Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bt nâng cao. - Hướng dẫn HS viết bài. - GV sửa bài. - Đọc đoạn văn mẫu.	->Chúng tỏ ông là người có lương tâm, đức độ. - Khi đã quyết định chữa bệnh cho thế tử, mặc dù ý kiến trái với ý đa số thầy thuốc trong cung nhưng ông vẫn bảo vệ giữ nguyên ý kiến. ->Chúng tỏ ông là người thầy thuốc già dặn kinh nghiệm và có bản lĩnh, có chính kiến. 3. Nét đặc sắc trong bút pháp kí sự của tác giả. Quan sát tỉ mỉ, khi chớp trung thực, tả cảnh sinh động, chọn được những chi tiết sắc sảo có ý nghĩa sâu xa (chi tiết: Thế tử, mất đứa bé, ngồi chiêm chệ trên sập vàng cho thầy, thuốc mật cụ già quý dưới đất lạy. Thế tử cười và ban lời khen: “ông này lạy khéo” đó là nghịch lý nhưng đó cũng là quyền uy của ma chúa, dù đó là một đứa bé chưa hiểu đời. 4. Giá trị đoạn trích: Vẽ nên bức tranh sinh động, đầy tính hiện thực về cuộc sống xa hoa, uy quyền của chúa Trịnh qua đó bộc lộ thái độ coi thường danh lợi của tác giả. III/KB: - Khái quát lại nội dung, nghệ thuật. - Liên hệ bản thân. <i>Đề 2: Hãy tưởng tượng mình là LHT, hãy kể lại đoạn trích “Vào phủ chúa Trịnh” bằng một đoạn văn ngắn.</i> Sáng sớm tinh mơ ngay 1/2 có thánh chỉ triệu tôi vào phủ châu. Mũ áo chỉnh tề, tôi vào phủ trên một cái cang chạy như ngựa lồng. Theo cửa sau vào phủ, đầu đầu tôi cũng thấy cây cối um tùm, chim kêu ríu rít, danh hoa đua thắm... Tôi vốn con quan không lạ với chốn phồn hoa, nhưng bước chân đến đây mới hay cảnh giàu sang của vua chúa thực khác hẳn người thường. Qua mấy lần cửa, qua dãy hành lang phía tây, tôi tới một ngôi nhà thật lớn gọi là phòng trà (thuốc). Đồ đạc trong phòng đều sơn son thếp
--	---

	vàng, đều là những đồ nhân gian chưa từng thấy. Do thánh thượng còn đang ngự trong phòng thuốc cùng các phi tần nên tôi chưa thể yết kiến Đông cung mà được mời sang ăn sáng bằng mâm vàng chén bạc, đồ ăn toàn là của ngon vật lạ. Tôi bây giờ mới biết phong vị của nhà đại gia. Ăn xong tôi sang bắt mạch cho Đông cung. Tôi thấy vì thể tử ở trong chốn màn che trướng phủ, ăn quá no, mặc quá ấm nên phủ tạng yếu đi, vả lại bệnh đã lâu...Sau một hồi phân phân suy nghĩ : Sợ bị danh lợi ràng buộc không về núi được, nhưng cũng lại nghĩ đến việc chịu ơn nước, cuối cùng tôi đã quyết định kê đơn theo đúng bệnh. Sau đó tôi từ giả lên cang về kinh Trung Kiên để chờ thánh chỉ. Bọn bè trong kinh đều đến thăm hỏi.
--	---

Củng cố, dặn dò

TUẦN 5

I. Mục tiêu cần đạt

Giúp HS:

3. **Kiến thức:** Hệ thống lại kiến thức văn bản “Tự tình 2”.
2. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết văn nghị luận văn học.
3. **Thái độ:** Đồng cảm với số phận người phụ nữ trong XHPK và niềm khát khao được hưởng hạnh phúc của HXH.

II. Nội dung

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
Tiết 1: Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm đề 1. - GV ghi đề lên bảng. - Hệ thống lại kiến thức văn bản “Tự tình 2”. - Hướng dẫn HS làm dàn bài. - Hoạt động nhóm + Nhóm 1: Phân tích 2 câu đề?	<u>Đề 1:</u> <i>Phân tích bài thơ “Tự tình” của Hồ Xuân Hương.</i> <u>I/MB:</u> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu luận đề. <u>II/TB:</u> 1. Hai câu đề. - Mở đầu bài thơ là điểm thời gian canh khuya, khi con người đối diện thật nhất với mình cũng là lúc XH nhận ra tình cảnh đáng thương của mình. Sự cô đơn trơ trọi được đặt trong thời gian. - Tiếng trống canh được cảm nhận trong cái tĩnh lặng, trong sự phấp phồng như sợ bước chuyển mau lẹ của thời gian. Đối diện với thời gian ấy là “cái hồng nhan”. Chữ “trơ” được đặt ở đầu câu nhấn mạnh nỗi đau của sự cô đơn, của sự bất hạnh trong tình duyên. Thông thường, giữa không gian rộn rịp con người cảm thấy bé nhỏ, cô đơn, ở đây HXH lại cảm nhận sự cô đơn trước thời gian. Thời gian cũng vô thủy vô chung..., “đêm khuya...dồn”: cái nhịp gấp gấp liên hồi của trống vừa là sự cảm nhận vừa là sự thể hiện bước đi liên hồi của thời gian và sự rối bời của tâm trạng. Khi trăm mối tơ lòng không thể gỡ mà thời gian gấp gấp cứ trôi đi thì còn lại là sự bẽ bàng... - “Trơ” đặt đầu câu có tác dụng nhấn mạnh. “trơ” là tủi hổ, là bẽ bàng. Thêm vào đó hai chữ “hồng nhan” là để nói về dung nhan thiếu nữ mà lại đi với từ “cái” thì thật là rẻ rúng, mỉa mai. “Cái

	hồng nhan” tro với nước non không chỉ là dãi dầu mà còn là cay đắng, vì vậy nỗi xót xa càng thấm thía, càng ngấm lại càng đau. -> Nhịp điệu câu thơ: 1/3/3 cũng là để nhấn mạnh vào sự bề bồng. -> Tuy nhiên bên cạnh nỗi đau là bản lĩnh Xuân Hương, bản lĩnh ấy thể hiện ngay trong chữ “tro”. Trong văn cảnh câu thơ, chữ “tro” không chỉ là bề bồng mà còn là thách thức. Chữ tro kết hợp với từ nước non để thể hiện sự bền gan thách đố.
+ Nhóm 2: Phân tích hai câu thực?	2.Hai câu thực - Trong khoảnh khắc của canh khuya ấy là một con người cùng đối diện với rượu và trăng, mượn trăng làm bạn, mượn rượu vui sầu. Nhưng rượu không thể say, trăng sắp tàn mà vẫn “khuyết chưa tròn”. Đó là một nỗi niềm chất chứa thấm lan vào cảnh vật. Ngậm ngùi thân phận con người, tuổi xuân qua mau mà duyên vẫn còn chưa trọn vẹn. - Cụm từ “say lại tỉnh” -> Vòng luẩn quẩn, tình duyên đã trở thành trò đùa của con tạo, càng say càng tỉnh, càng cảm nhận nỗi đau thân phận. Câu thơ là ngoại cảnh cũng là tâm cảnh, tạo nên sự đồng nhất giữa tăng và người. Trăng sắp tàn (“bóng xế”) mà vẫn “khuyết chưa tròn”, tuổi xuân đã trôi qua mà nhân duyên không trọn vẹn. Hương rượu để lại vị đắng chát, hương tình thoảng qua để chỉ còn phần hẩm duyên ôi...
+ Nhóm 3: Phân tích hai câu luận?	3.Hai câu luận. - Hai câu thơ sử dụng biện pháp đảo ngữ để nhấn mạnh trạng thái của thiên nhiên, cũng là tâm trạng của con người. - Hai câu thơ gọi cảnh thiên nhiên và cảnh được cảm nhận qua tâm trạng như cũng mang nỗi niềm phần uất của con người. Những sinh vật nhỏ bé, hèn mọn như đám rêu kia mà cũng không chịu mềm yếu, nó phải mọc xiên, lại xiên ngang mặt đất. Đá đã rắn chắc lại phải rắn chắc hơn, lại phải nhọn hoắt lên để “đâm toạc chân mây”.

+ Nhóm 4: Phân tích hai câu kết? - Hướng dẫn HS làm kết bài. Tiết 2: Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bt nâng cao. - Hướng dẫn HS viết bài. - GV sửa bài. - Đưa đoạn văn mẫu.	-> Biện pháp nghệ thuật đảo ngữ trong hai câu luận đã làm nổi bật sự phần uất của thân phận đất đá, cỏ cây mà cũng chính là sự phần uất của tâm trạng con người. Các dt mạnh: xiên, đâm kết hợp với bổ ngữ: ngang, toạc. -> Bướng bỉnh, ngang ngạnh, phần uất, rêu xiên ngang mặt đất, đá đâm toạc chân mây như vạch đất, trời mà hờn oán, không chỉ là phần uất mà còn là phản kháng... 4.Hai câu kết. -“Ngán” là chán ngán, ngán ngẫm . Từ “lại” cũng có 2 nghĩa. -HXH đã quá ngán ngẫm nỗi đời éo le, bạc bẽo. Mùa xuân đi rồi mùa xuân trở lại với thiên nhiên, nhưng với con người thì mùa xuân qua không bao giờ trở lại. Sự trở lại của mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân. ->Thủ pháp nghệ thuật tăng tiến, nhấn mạnh vào sự nhỏ bé dần, làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn: mảnh tình – san sẻ - tí – con con. Mảnh tình đã bé lại còn san sẻ thành ra ít ỏi, chỉ còn tí con con, nên càng xót xa tội nghiệp ->Nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội xưa, với họ, hạnh phúc luôn là chiếc chăn quá hẹp. III/KB: - Khái quát lại nội dung, nghệ thuật. - Liên hệ bản thân. <i>Đề 2: Viết một đoạn văn nói lên tâm trạng của Hồ Xuân Hương trong bài thơ “Tự tình 2”</i>
--	---

Củng cố, dặn dò

TUẦN 6

I. Mục tiêu cần đạt

Giúp HS:

4. **Kiến thức:** Hệ thống lại kiến thức văn bản “Câu cá mùa thu”.
2. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết văn nghị luận văn học.
3. **Thái độ:** Yêu quê hương, làng cảnh nông thôn Việt Nam.

II. Nội dung

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
Tiết 1: Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm đề 1. - GV ghi đề lên bảng. - Hệ thống lại kiến thức văn bản “Câu cá mùa thu”. - Hướng dẫn HS làm dàn bài. - Hoạt động nhóm + Nhóm 1: Giới thiệu tác phẩm?	<u>Đề 1:</u> <i>Phân tích bài thơ “Câu cá mùa thu” của Nguyễn Khuyến.</i> <u>I/MB:</u> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu luận đề. <u>II/TB:</u> 1/Giới thiệu chung - Mùa thu là đề tài quen thuộc của thi ca . Thơ viết về mùa thu của văn học Trung đại Việt Nam thường miêu tả cảnh đẹp vắng vẻ , ủa tàn và u buồn . Cảnh thu được ghi lại một cách ước lệ tượng trưng với những nét chấm phá , chớp lấy cái hồn của tạo vật . Thu điệu của Nguyễn Khuyến cũng mang nét thi pháp ấy . - Nhưng Nguyễn Khuyến được mệnh danh là nhà thơ của làng quê Việt Nam . Gắn suốt đời mình , ông gắn bó với thôn quê , hòa hợp và thấu hiểu mảnh đất quê nhà . Thế nên , cảnh vật làng quê trong thơ ông hiện lên rất chân thực , giản dị , tinh tế . Đọc Thu điệu , ta bắt gặp một bức tranh thu đặc trưng của vùng chiêm trũng Bắc bộ , quê hương của nhà thơ . Đây chính là nét mới mẻ của tác phẩm so với thi pháp truyền thống của văn học Trung đại Việt Nam . - Thu điệu viết bằng chữ Nôm , làm theo thể thất ngôn bát cú Đường luật . Cảnh thu được miêu tả trong hầu hết 8 câu thơ , hình ảnh con người chỉ xuất hiện trực tiếp ở hai câu cuối bài . Cảnh trong bài vẫn là trời nước , gió , trúc – những thi liệu quen thuộc nhưng hồn thơ thì đã vượt ra khỏi

+ Nhóm 2: Phân tích 2 câu đề?	khuôn sáo thi tứ cổ điển . 2/ Hai câu đề . - Hình ảnh đầu tiên được tác giả miêu tả là “ ao thu” . Từ “ lạnh lẽo” đặc tả khí lạnh của ao nước mùa thu , dường như cái lạnh ấy thấm sâu vào da thịt con người . Tính từ “trong veo” đã tuyệt đối hóa độ trong của nước , đồng thời còn gợi ra độ thanh sạch , sự bất động , tĩnh lặng của mặt ao . Hai âm “eo” được gieo trong một câu khiến cho cảm giác về cái lạnh và sự ngưng đọng của không gian càng trở nên tuyệt đối , đồng thời còn gợi ra không gian nhỏ hẹp của chiếc ao . - Trên nền cảnh thu ấy xuất hiện một chiếc thuyền câu lẻ loi , đơn chiếc , bé nhỏ . Số từ chỉ số ít “một chiếc” kết hợp với từ láy “tẻo teo” khiến cho chiếc thuyền càng nhỏ bé hơn , như co lại thành một nét chấm trên nền ao cũng bé xiu và trong trong tận đáy . - Hai câu đề đã vẽ nên cảnh sắc rất riêng biệt , mộc mạc , đơn sơ của mùa thu Bắc bộ với những nét đặc trưng nhất của khí thu , chất thu là cái lạnh và sự tĩnh lặng .
+ Nhóm 3: Phân tích hai câu thực?	3/ Hai câu thực - Mùa thu tiếp tục hiện lên với hình ảnh “sóng biếc” , “lá vàng” . Cảnh vận động một cách khê khàng . Tác giả đã rất nhạy cảm , tinh tế khi chớp được những biến động tinh vi của tạo vật . Đó là sự chuyển động “ hơi gợn tí” của sóng , là sự đưa nhẹ , khê khàng của chiếc lá vàng , là sự mong manh uốn lượn của hơi nước mờ ảo trên mặt ao . - Hai câu thơ đối nhau rất chỉnh , các sự vật có mối liên hệ chặt chẽ với nhau , gió thổi làm sóng gợn , làm lá rơi . Các tính từ , trạng từ “biếc” , “tí” , “vàng” , “khê” , ”vèo” được sử dụng một cách hợp lí , giàu chất tạo hình , vừa tạo ra bức tranh màu sắc thanh nhã , có xanh có vàng , vừa gợi được sự uyển chuyển , sinh động của tạo vật . Cảnh được miêu tả trong hai câu thực , mặc dù là động , nhưng vì động khê khàng quá nên thực

+ Nhóm 4: Phân tích hai câu luận?	chất là lấy động để tả cái tĩnh lặng của mùa thu trong không gian của một chiếc ao quê nhà . 4/Hai câu luận . - Không gian cảnh vật trong hai câu luận không chỉ dừng lại ở bề mặt chiếc ao mà còn mở rộng thêm chiều cao , chiều sâu . - Chiều cao được cụ thể bằng sự “lơ lửng” của tầng mây và độ thăm thẳm của da trời xanh ngắt . Màu da trời mùa thu dường như có ám ảnh sâu đậm trong tâm hồn Nguyễn Khuyến nên trong các bài thơ thu , ông thường nhắc tới : “ Trời thu xanh ngắt mấy tầng cao” (Thu vịnh) hay “ Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt” (Thu ẩm) . Bởi vậy , màu xanh ngắt của da trời không chỉ đơn giản là một sắc màu khách quan đặc trưng của trời thu mà có lẽ còn chính là tâm trạng nhiều ẩn ức , là chiều sâu tâm hồn đầy trăn trở của thi nhân . - Chiều sâu của không gian được cụ thể bằng độ “ quanh co” uốn lượn của bờ trúc . Không gian trong hai câu luận đậm đặc một màu xanh , màu xanh bao trùm cả trên cao và chiều rộng . Cảnh vật thoáng đãng và yên tĩnh . Nguyên từ “vắng” đã nói rõ sự tĩnh lặng rồi nhưng “vắng teo” thì có nghĩa là cảnh vắng tanh vắng ngắt , không chút cử động , không chút âm thanh , không một bóng người . - Bởi thế , hai câu thơ gợi ra sự trống vắng , nỗi cô đơn trong lòng người . 5/ Hai câu kết . - Hình ảnh con người xuất hiện trực tiếp với tư thế ngồi bó gối , trong trạng thái trầm tư mặc tưởng . Nhà thơ ngồi câu cá mà chẳng chú tâm đến việc câu , bởi vậy mới giật mình trước tiếng cá “ đớp động dưới chân bèo” . Không gian phải yên tĩnh lắm, tâm hồn nhà thơ phải trong trẻo lắm thì mới nghe rõ âm thanh nhỏ nhẹ như vậy . - Từ “ cá đâu” là cách hỏi vừa tạo nên sự mơ hồ trong không gian vừa gợi ra sự ngỡ ngàng của lòng người . Nhà thơ dường như mất cảm giác về không gian thực tại mà chìm đắm trong không
--	--

+ Nhóm 5: Phân tích hai câu kết? - Hướng dẫn HS làm kết bài. Tiết 2: Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bài tập nâng cao. - Hướng dẫn HS viết bài - GV sửa bài Đưa đoạn văn mẫu	gian suy tưởng nên không thể xác định rõ hướng gây ra tiếng động mặc dù đang ngồi trong một chiếc ao rất nhỏ . - Nhà thơ câu cá mà chẳng phải để bắt cá . Câu chỉ là cái cớ để tìm sự thư thái trong tâm hồn . Trong lúc câu , thi nhân đã thâm sát vào lòng những vẻ đẹp tinh diệu của đường nét , màu sắc , hình khối , sự vận động tinh tế , trong sáng của cảnh vật mùa thu . Cảnh thu tuy đẹp mà buồn , buồn vì quá quạnh quẽ , vắng lặng , buồn vì người ngắm cảnh cũng đang chất chứa nỗi niềm thế sự của kẻ sĩ trước cảnh vong quốc mà thân lại nhàn nhã . III/KB: - Khái quát lại nội dung, nghệ thuật. - Liên hệ bản thân. <i>Đề 2: Viết một đoạn văn nói lên tâm trạng của Nguyễn Khuyến trong bài thơ “Câu cá mùa thu”.</i>
---	--

Củng cố, dặn dò

TUẦN 7

I. Mục tiêu cần đạt

Giúp HS:

5. **Kiến thức:** Hệ thống lại kiến thức văn bản “Thương vợ”.
2. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết văn nghị luận văn học.
3. **Thái độ:** Yêu quý, trân trọng những người vợ, người mẹ Việt Nam.

II. Nội dung

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
Tiết 1: Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm đề 1. - GV ghi đề lên bảng. - Hệ thống lại kiến thức văn bản “Vào phủ chúa Trịnh”. - Hướng dẫn HS làm dàn bài. - Hoạt động nhóm + Nhóm 1: Mở bài?	<i>Đề 1: Phân tích bài thơ “Thương vợ” của Trần Tế Xương.</i> I/Mở bài - Tú Xương là nhà thơ hiện thực trào phúng xuất sắc của nền văn học Việt Nam cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX đồng thời cũng là tác giả của những văn thơ trữ tình đậm thắm, thiết tha. - “Thương vợ” là một sáng tác tiêu biểu cho bút pháp trữ tình trong thơ Tú Xương. - Bài thơ đã khắc họa chân dung bà Tú vất vả đảm đang, giàu đức hi sinh và bộc lộ sự cảm thông, lòng yêu thương trân trọng ngợi ca người vợ của nhà thơ. II/Thân bài 1/ Giới thiệu chung - Trong thơ trung đại Việt Nam, các nhà thơ – nhà nho ít khi viết về cuộc sống tình cảm đời tư của mình, càng hiếm khi viết về người vợ. Thơ văn xưa coi trọng mục đích giáo huấn, dùng văn thơ để dạy đời, tỏ chí “văn dĩ tải đạo”, “thi dĩ ngôn chí”, với những đề tài phổ biến như: chí làm trai, nợ công danh, chí kinh bang tế thế hoặc những ưu tư về thời cuộc... - Cũng trong xã hội xưa, vị thế của người phụ nữ ít được coi trọng, thậm chí còn bị coi rẻ.

+ Nhóm 3: Phân tích 2 câu đề?	- Tú Xương thì khác . Ông có nhiều bài thơ viết về vợ với những câu đầy thương mến , hóm hỉnh : <i>“Có một cô lái , nuôi một thầy đồ ,</i> <i>Quần áo rách rưới , ăn uống xó bồ”</i> Đây là lời đáp của bà Tú khi được ông Tú hỏi về câu đối vừa mới viết : <i>“ Thừa rằng hay thực là hay ,</i> <i>Không hay sao lại đỗ ngay tú tài ,</i> <i>Xưa nay em vẫn chịu ngài”</i> - Trong một loạt bài thơ Tú Xương viết về vợ , Thương vợ được coi là tác phẩm tiêu biểu hơn cả . Bài thơ thể hiện cả hai mặt trong thơ Tú Xương , vừa ân tình vừa hóm hỉnh . - Thương vợ được làm theo thể thất ngôn bát cú Đường luật nhưng ngôn ngữ rất sinh động tự nhiên , mang đậm sắc thái dân gian , mang nét riêng độc đáo của thơ Tú Xương . 2/ Hai câu đề : <i>Quanh năm buôn bán ở mom sông ,</i> <i>Nuôi đủ năm con với một chồng .</i> - Câu thơ mở đầu cất lên thật tự nhiên , dường như không chút gọt giũa mà nói được bao điều về hình ảnh và công việc làm ăn của bà Tú . - Từ “quanh năm” diễn tả sự triền miên về thời gian, từ ngày này sang ngày khác, tháng này qua tháng khác và năm nào cũng vậy, bất kể mưa nắng, sớm trưa. Trong khoảng thời gian không ngơi nghỉ đó, bà Tú phải miệt mài với công việc “buôn bán”. Đó chỉ là kiểu buôn thúng bán mẹt, lời lãi chẳng được bao nhiêu ở chốn đầu sông cuối bãi .
--------------------------------------	--

	- Hai từ “mom sông” cụ thể hóa không gian làm việc của vợ ông Tú, đó là nơi có thể đất hiểm trở , là doi đất nhô ra, ba bề là nước , khá chênh vênh nguy hiểm . - Tú Xương đã quan sát , thấu hiểu cho nỗi vất vả của người vợ . Bởi vậy , ẩn sau mỗi lời thơ nôm na bình dị là một niềm cảm thông , thương mến sâu lắng . Với người vợ , một lời cảm thông như vậy của chồng cũng đủ để bù đắp cho bao nỗi đắng cay . - Câu thơ thứ hai nêu lên căn nguyên sự vất vả của bà Tú . Bà phải gánh trên vai một trách nhiệm nặng nề “ nuôi đủ năm con với một chồng” . Phải chăm sóc , nuôi nấng một đàn con đông đảo năm đứa đã đủ cực nhọc lắm rồi . Vậy mà bà còn phải nuôi thêm cả đức ông chồng . Ai cũng biết ông Tú tài cao nhưng phận thấp , thành ra ông chí khí uất . Tám lần ông đi thi chỉ mong bìa đá bằng vàng nhưng rút cục đi không lại trở về không bởi thơ văn ông quá sắc sảo . Ông lại phải hằng ngày chứng kiến bao cảnh trái tai gai mắt “ con khinh bố”, “vợ chửi chồng” , bao điều lố lẩn của xã hội dở ta dở tây đương thời . Tú Xương luôn day dứt về sự đời ô trọc . Cảnh chung niêm riêng khiến ông Tú rất kĩ tính , khó tính . Ấy vậy mà bà Tú vẫn “ nuôi đủ” . Công lao to lớn của bà nằm ở hai chữ “nuôi đủ” này . Bà Tú thất lưng buộc bụng , tần tảo quanh năm không chỉ đáp ứng đủ nhu cầu về vật chất của một đại gia đình đông đảo mà bà còn phải sống lựa , chăm lo cho nhu cầu tinh thần vốn cao sang , tài tử của ông Tú . Sự đảm đang , khéo léo của bà thể hiện ở việc lựa ông Tú mà sống , khéo chiều sự khó tính khó nết của ông sao cho trong ấm ngoài êm . - Hai câu thơ đầu đã đặc tả sự nhần nại , đảm đang của bà Tú trước gánh nặng gia đình . Qua đó nhà thơ gián tiếp bày tỏ sự biết ơn đối với người vợ tần tảo của mình . 3/Hai câu thực
--	--

+ Nhóm 4: Phân tích hai câu thực?	<i>Lặn lội thân cò khi</i> <i>quãng vắng ,</i> <i>Eo sèo mặt nước buổi</i> <i>đò đông .</i> - Hai câu thơ đã cụ thể hơn tính chất , đặc thù công việc của bà Tú . Cách đảo ngữ “ lặn lội thân cò” , “ eo sèo mặt nước” tô đậm chân dung cực nhọc , lam lũ , bươn chải của bà . - Nhà thơ mượn hình ảnh ẩn dụ “thân cò” trong ca dao để ví von với thân phận , cuộc đời người vợ của mình . Con cò trong ca dao cực khổ , bất hạnh vô cùng : <i>“ Cái cò lặn lội bờ sông –Gánh gạo nuôi chồng tiếng khóc nỉ non”</i> <i>“Cái cò đi đón cơn mưa – Tối tăm mù mịt ai đưa cò về”</i> <i>“ Cái cò mà đi ăn đêm – Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao”</i> - Nhà thơ đã đồng nhất thân phận bà Tú với thân phận của những người lao động vất vả , lam lũ . Thân cò còn gợi dáng vẻ bé nhỏ , gầy gò , đáng thương tội nghiệp của người vợ ông Tú . - Bà Tú bé nhỏ yếu ớt thế mà phải một mình thân gái dặm trường , đi làm qua những nơi “ quãng vắng” . Khi khỏe thì không sao nhưng khi trái gió trở trời , sảy chân bất kì thì không biết bà Tú sẽ gặp nguy hiểm chừng nào . Thế mới thấm thía câu ‘Buôn có bạn , bán có phường’ . Câu thơ mang sức nặng của tấm lòng thương cảm mà ông Tú dành cho vợ . - Bà Tú không chỉ dấn thân những chỗ đông không mông quạnh mà còn phải chen chân trên những chuyến đò đông , phải chịu những tiếng “eo sèo”, những lời qua tiếng lại cò kè mặc cả , có lờm nguyt chê bôi xô bồ . Đò đông gọi ra sự hiểm nguy , xô đẩy , chen chúc . vậy là “ cô gái nhà dòng” vì lấy ông Tú mà buộc phải nhắm mắt đưa chân quên đi lời mẹ dặn “ Sông sâu chớ lội đò đầy chớ qua” , phải lặn lội giữa chốn đời
--	--

+ Nhóm 5: Phân tích hai câu luận?	phàm tục để kiếm miếng cơm manh áo nuôi gia đình . - Hai câu thơ chú trọng vào việc miêu tả nỗi vất vả , sự đảm đang của bà Tú . Ẩn sau câu chữ vẫn là tấm lòng nhà thơ với cái nhìn thương cảm , ái ngại , biết ơn , trân trọng . 4/Hai câu luận <i>Một duyên hai nợ âu đành phận ,</i> <i>Năm nắng mười mưa dám quản công .</i> - Hai câu luận là lời ông Tú nhập thân vào bà Tú để than thở giùm vợ . Nhà thơ dùng nghệ thuật đối , các khẩu ngữ và những thành ngữ dân gian “ một duyên hai nợ” , “năm nắng mười mưa” , “ âu đành” , “dám quản” để bộc lộ nỗi lòng ấy - Duyên và nợ là hai khái niệm đối lập nhau . Theo cách hiểu dân gian , duyên là điều tốt đẹp , là sự hòa hợp tự nhiên , còn nợ là gánh nặng , là trách nhiệm mà con người ta bị vướng mắc phải . Duyên là sự may mắn , còn nợ là sự rủi ro . Ở đây , khi lấy ông Tú , may mắn bà Tú chỉ hưởng có một mà rủi ro lại gấp đôi , tức là sung sướng thì ít ỏi mà khổ cực thì lại nhiều . - Dù vậy , bà coi đó là cái phận , cái định mệnh mà ông trời đã áp đặt sẵn cho mình . Vì thế , bà cam chịu , chấp nhận , không kêu ca mà âm thầm chịu đựng . Bà sẵn sàng vượt qua “ năm nắng mười mưa” – những nỗi khó khăn tăng cấp chồng chất , bà dám “ quản công” , tự nguyện gánh vác trách nhiệm chăm lo gia đình . - Hai câu thơ như một tiếng thở dài của bà Tú . Dù vất vả trăm điều nhưng bà vẫn âm thầm chịu đựng , vượt lên . Pháo chãng đó cũng chính là đức hi sinh – vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam ? 5/Hai câu kết . <i>Cha mẹ thói đời ăn ở bạc</i>
--	---

+ Nhóm 6: Phân tích hai câu kết?	<i>Có chồng hờ hững cũng như không</i> - Hai câu thơ vẫn là lời Tú Xương nhập thân vào bà Tú để chửi , để rửa chính thói đời bạc bẽo , trách cứ sự vô tích sự của mình . - Thói đời là những nếp cư xử ,hành động xấu chung mà người đời hay mắc phải . Thói đời mà Tú Xương muốn nói đến ở đây là tư tưởng trọng nam khinh nữ , là thói vô tâm câu các ông chồng với vợ . Thói xấu ấy cũng đã thấm vào người ông Tú , khiến ông ăn ở bạc với vợ , sống thiếu trách nhiệm , đổ mọi gánh nặng lên đôi vai người vợ . Như vậy , ông Tú không chỉ chửi chung thói đời mà còn chửi chính bản thân mình . - Đây là lời chửi mang đặc trưng riêng của Tú Xương . Nhà thơ dùng lời ăn tiếng nói của dân gian “ cha mẹ” – một cách chửi có giọng điệu chanh chua nanh nọc , gay gắt , quyết liệt , lời cá gốc rễ tông giống của vấn đề ra mà chửi . Đó chính là biểu hiện của cá tính sắc sảo Tú Xương . - Câu thơ cuối cùng là một lời rửa . Nhà thơ thay vợ mà rửa rằng có chồng mà chồng hờ hững thì còn tệ hơn cả không có chồng . Có thể hiểu câu đó nghĩa là ông chồng mà sống vô tích sự , vô trách nhiệm với gia đình thì ông ta sống cũng như chết rồi . - Hai câu thơ cuối là một cách chuộc lỗi đặc biệt của nhà thơ với vợ . Lời thơ giản dị pha lẫn nụ cười trào phúng mà vẫn chân chất , thấm thía tấm lòng thương vợ đáng quý trọng . III/ Kết bài . - Thương vợ là bài thơ ngắn gọn , súc tích , có ngôn ngữ giản dị , giọng thơ ân tình , hóm hỉnh đã khắc họa chân dung bà Tú – người vợ tảo tần đảm đang , chịu thương chịu khó , giàu đức hi sinh vì chồng con , mang vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam . - Tác phẩm cũng bộc lộ sự cảm thông , trân trọng biết người vợ sâu sắc của nhà thơ Tú Xương .
---	--

- Hướng dẫn HS làm kết bài. Tiết 2: Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bt nâng cao. - Hướng dẫn HS viết bài - GV sửa bài Đưa đoạn văn mẫu	- Đây là bài thơ tiêu biểu cho bút pháp trữ tình trong thơ Tú Xương. <i>Đề 2: Hãy đóng vai bà Tú để phát biểu cảm xúc về ông Tú?</i>
---	--

Củng cố, dặn dò

TUẦN 8

I. Mục tiêu cần đạt

Giúp HS:

6. **Kiến thức:** Hệ thống lại kiến thức văn bản “Bài ca ngất ngưỡng”.
2. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết văn nghị luận văn học.
3. **Thái độ:** Yêu quý, trân trọng nhân cách Nguyễn Công Trứ.

II. Nội dung

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
Tiết 1: Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm đề 1. - GV ghi đề lên bảng. - Hệ thống lại kiến thức văn bản “Bài ca ngất ngưỡng”. - Hướng dẫn HS làm dàn bài. - Hoạt động nhóm + Nhóm 1: Cảm hứng chủ đạo của bài thơ?	<i>Đề 1: Phân tích bài thơ “Bài ca ngất ngưỡng” của Nguyễn Công Trứ.</i> <u>I/MB:</u> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu luận đề. <u>II/TB:</u> 1. Cảm hứng chủ đạo của bài thơ - Từ “ngất ngưỡng” xuất hiện 5 lần. - Nghĩa thực của từ “ngất ngưỡng” là : Trạng thái của một đồ vật có chiều cao trong tư thế ngã nghiêng, không vững chắc, lúc lắc, chông chênh, gây khó chịu cho mọi người) - “Ngất ngưỡng” chính là sự ngang tàng, phá cách, phá vỡ khuôn mẫu hành vi “khắc kỉ, phục lễ” của nhà nho để hình thành một lối sống thật

+ Nhóm 2: Quãng đời làm quan?	hơn, dám khẳng định chính mình, khẳng định bản lĩnh cá nhân bắt nguồn từ ý thức về tài năng và nhân cách của bản thân. -> Đó chính là nội dung xuyên suốt toàn bộ tác phẩm, làm nổi bật cá tính con người ông. =>Trên cơ sở ý thức về tài năng và nhân cách của bản thân, NCT trong “bài ca ngất ngưỡng” đã phô trương, khoe sự ngang tàng, sự phá cách trong lối sống của ông, lối sống ít phù hợp với khuôn khổ của đạo Nho. Ngất ngưỡng chính là sự ngang tàng, phá cách, phá vỡ khuôn mẫu hành vi “khắc ki, phục lễ” của nhà nho để hình thành một lối sống, thật hơn, dám là chính mình, dám khẳng định bản lĩnh cá nhân... Ngất ngưỡng đối lập với lễ, danh giáo. 2.Những lời tự thuật a.Quãng đời làm quan - Trong thời gian làm quan, NCT đã thể hiện thái độ “ngất ngưỡng” của mình rất nhiều trong các tp của ông, như: ông cho rằng kẻ làm trai là phải mang lấy cái nợ và phải tung hoành ngang dọc để trả cho trọn cái nợ ấy “ Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc Nợ tang bồng vay trả trả vay Chí làm trai Nam Bắc Đông Tây Cho phỉ sức vẫy vùng trong bốn bể” (Chí anh hùng) - Tuy nhiên, đối với NCT, công danh không chỉ là vinh mà còn là nợ, là trách nhiệm, vì vậy ông coi đó là sự dấn thân phù hợp với tâm/tự nguyện đem tự do, tài hoa nhốt vào vòng trói buộc. trạng của con người đã trải qua bao nhiêu phiên luy chốn quan trường. - Câu 1 “Vũ trụ ...phận sự”: Mọi việc trong trời đất chẳng có việc nào không phải là phận sự của ta. -> Thái độ tự tin, ý thức sâu sắc về vai trò, trách nhiệm và tài năng của bản thân. - Câu 2 “ông Hi văn tài...vào lồng” -> Ông coi việc nhập thế làm quan như một trói
--------------------------------------	--

+ Nhóm 3: Khi cáo quan (Câu 7->12)?	buộc, giam hãm vào lồng, phù hợp với nhân cách của ông. Ông coi việc làm quan là mất tự do vậy mà vẫn ra làm quan : Vì ông coi việc làm quan là một điều kiện, một phương tiện để thể hiện hoài bão vì dân vì nước và tài năng của mình. điều quan trọng là trong một môi trường có nhiều trói buộc, ông vẫn thực hiện được lí tưởng xã hội của mình và vẫn giữ được bản lĩnh, cá tính. - Lối sống “ ngất ngưỡng” của NCT được ông thể hiện ngay đoạn đời từ khi ra làm quan, đoạn đời đó được ông tóm gọn trong 4 câu: 3, 4, 5, 6. - Câu 3, 4, 5, 6 Liệt kê tất cả các sự việc lớn nhỏ, các chức phận ông đã trải qua. -> Ông có tài năng thực sự và tận tâm với sự nghiệp, không hề luồn cúi để vinh thân phì gia. =>Nghệ thuật: Hệ thống từ Hán Việt uy nghiêm trang trọng, âm điệu nhịp nhàng định tài năng lỗi lạc, địa vị xã hội vẻn vẹn, nhiều điệp ngữ vang, xứng đáng một con người xuất chúng. b. Khi cáo quan *Câu 7, 8 : Năm cáo quan là một sự kiện lạ, phong cách khác người. - Thái độ ngất ngưỡng của Nguyễn Công Trứ lúc này như thế nào so với lúc ông đang làm quan tại triều? (đậm nét hơn, vì đã được “tháo cũi sổ lồng” thoát khỏi chốn quan trường). - Ngày “đô môn giải tổ” của ông rất đặc biệt : NCT làm một việc ngược đời, đối nghịch. Người ta tán lọng, ngựa xe nghiêm trang, còn ông thì ngất ngưỡng trên lưng con bò. Đã là một giống vật thấp kém, bò mà lại bò cái, nhưng lại được trang sức bằng đặc ngựa - đồ trang sức quý của loài vật cao cấp (ngựa). Song ông còn buộc mo cau vào đuôi bò ở cái chỗ cần che nhất với một tuyên ngôn ngược: để che miệng thể gian. =>trêu ngươi khinh thị cả thế gian kinh kì. * Câu 9 – 12: Cách sống phóng khoáng, thanh
---	--

+ Nhóm 4: : Khi cáo quan (Câu 13-> cuối)?	thời. + Dẫn các cô gái trẻ lên chơi chùa, đi hát ả đào và tự đánh giá cao các việc làm ấy. + Ông có quyền ngất ngưỡng vì ông về hưu trong danh dự, sau khi đã làm được nhiều việc có ích cho dân... + “ Kìa núi nọ...mây trắng”: câu thơ trữ tình gợi một chút băng khuâng, ý vị chua chát, những làn mây trắng trên đỉnh núi rất trắng, đậm ý nghĩa tượng trưng, gợi liên tưởng. + “Tay kiếm cung ...từ bi”: cương vị, chức phận, cuộc sống đã thay đổi. dạng từ bi: đáng▽Tay kiếm cung - một ông tướng có quyền sinh quyền sát về tu hành, trái hẳn với trước. * Câu 13 – 16: Quan niệm sống: + Không quan tâm được mắt + Không bận lòng khen chê + Vui vẻ, không vương tục *Câu 13 – 16, ông là người không quan tâm đến chuyện được mắt, không bận lòng vì sự khen chê, có những khi hành lạc: uống rượu, cô đầu, con hát, nhưng ông không phải là người của phật, mà vẫn là con người của cuộc đời, duy có điều: không vương tục -> Một nhân cách, một bản lĩnh cao, chấp tất cả, không để lụy và khinh tất cả những gì của thói thường.▽ *Câu 17, 18: Tổng kết cuộc đời mình, NCT cho rằng hai điều quan trọng nhất đối với kẻ nam nhi là trách nhiệm “kinh bang tế thế” và đạo nghĩa vua tôi. Ông đã giữ được trọn vẹn, đã thực hiện một cách xuất sắc. - Khi làm quan trong triều, ông cũng không chấp nhận sự khom lưng, uốn gối hay thói quy lụy thường thấy “ trong triều ai...như ông”Khẳng định tài Tầm lòng và lời thề của tác▽năng, phẩm giá, lòng trung nghĩa vua tôi. giả suốt đời vì dân vì nước.
---	---

- Hướng dẫn HS kết bài. <u>Tiết 2:</u> Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bt nâng cao. - Hướng dẫn HS viết bài - GV sửa bài Đưa đoạn văn mẫu	* Câu cuối: vừa hỏi vừa khẳng định: trong triều không có ai sống ngất ngưỡng như ông cả. => Bản lĩnh cá nhân trong cuộc sống. <u>III/KB:</u> - Khái quát lại nội dung, nghệ thuật. - Liên hệ bản thân. <u>Đề 2:</u> <i>Viết đoạn văn phát biểu suy nghĩ về quan niệm sống của Nguyễn Công Trứ.</i>
--	--

Củng cố, dặn dò

TUẦN 9

I. Mục tiêu cần đạt

Giúp HS:

7. **Kiến thức:** Hệ thống lại kiến thức văn bản “Bài ca ngắn đi trên bãi cát”.
2. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết văn nghị luận văn học.
3. **Thái độ:** Yêu quý, trân trọng nhân cách Cao Bá Quát.

II. Nội dung

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
<u>Tiết 1:</u> Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm đề 1. - GV ghi đề lên bảng. - Hệ thống lại kiến thức văn bản “Vào phủ chúa Trịnh”. - Hướng dẫn HS làm dàn bài. - Hoạt động nhóm + Nhóm 1: Nêu những nét về thời đại của Cao Bá Quát?	<i>Đề: Phân tích bài thơ “Bài ca ngắn đi trên bãi cát” của Cao Bá Quát.</i> <u>I/MB:</u> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu luận đề. <u>II/TB:</u> 1. Thời đại - Thời đại Cao Bá Quát sống là xã hội không còn minh quân, xã hội chỉ sản sinh ra phường danh lợi an phận, ngủ quên trong vinh hoa phú quý. - “Sa hành đoản ca” thể hiện tâm trạng bi phần của kẻ sĩ trước đường đời bế tắc, mịt mù đồng thời thể hiện sự dằn vặt, thức tỉnh của kẻ sĩ khi nhận ra những khó khăn trên đường công danh. - Thời đại Cao Bá Quát sống là xã hội không còn minh quân, xã hội chỉ sản sinh ra phường danh lợi an phận, ngủ quên trong vinh hoa phú quý. Những người có lí tưởng như Cao Bá Quát khi chưa tìm được con đường mới có ý nghĩa họ rơi vào trạng thái cô đơn bế tắc. - “Sa hành đoản ca” thể hiện tâm trạng bi phần của kẻ sĩ trước đường đời bế tắc, mịt mù đồng thời thể hiện sự dằn vặt, thức tỉnh của kẻ sĩ khi nhận ra những khó khăn trên đường công danh. 2. Hình tượng bãi cát và con người đi trên bãi cát - Bãi cát và con đường dài là biểu tượng cho con đường đi tìm chân lí xa xôi, mịt mù, muốn đến được đích phải đầy nhọc nhằn - Đi trên bãi cát ấy là hình ảnh con người vất vả,
+ Nhóm 2-3: Hình tượng bãi cát và con	

người đi trên bãi cát?

nhọc nhằn, cô độc. “Đi một bước lùi một bước, lữ khách...nước mắt rơi”

- Nỗi chán nản của tác giả vì tự mình phải hành hạ thân xác của mình theo đuổi công danh.

“ Không học được tiên...giận khôn vơi”

- Sự căm dỗ của cái bả công danh đối với người “ Xưa nay...tính bao người” Tác giả đã nhận thấy rõ tính chất vô nghĩa của lối học khoa cử, của con đường công danh theo lối cũ.

- Nhận định mang tính khái quát về nhưng kẻ ham danh lợi đều phải chạy ngược chạy xuôi nhọc nhằn, được nhà thơ minh họa bằng hình ảnh người đời thấy ở đâu có quán rượu ngon đều đổ xô đến, mấy ai tỉnh táo thoát khỏi sự cám dỗ của rượu. Danh lợi cũng là một thứ rượu dễ làm say người. Sáu câu thơ này chuẩn bị cho kết luận của tác giả: cần phải thoát ra khỏi cơn say danh lợi vô nghĩa.

- Tâm trạng bế tắc của người đi đường, chưa tìm thấy lối thoát trên đường đời. “ Bãi cát dài...làm chi trên bãi cát?”

=> Nỗi niềm bi phần cực độ “ anh đứng làm chi trên bãi cát?”

- Gọi nó là đường cùng, nhìn thấy phía trước là đường ghê sợ, tác giả đã thể hiện cái mâu thuẫn chưa thể giải quyết trong tâm trạng của mình. Đi tiếp một cách khó nhọc hay từ bỏ nó? nếu đi mình sẽ tầm thường như phường danh lợi xưa nay, nếu bỏ cuộc, chẳng biết rẽ hướng nào vì “phía Bắc núi Bắc núi muôn trùng, phía Nam núi Nam sóng dào dạt” Mọi ngã đều chắn hướng, dưới chân là bãi cát và con đường ghê sợ, biết làm sao đây? Bài thơ kết lại trong một nỗi niềm bi phần cực độ: “Anh đứng làm chi trên bãi cát?”

- Một sự bỏ cuộc, từ chối vì ông biết trước con đường ấy sẽ dẫn đến ngõ cụt. Sự bỏ cuộc thật đáng trân trọng, cái bế tắc tuyệt vọng nhưng không làm họ nhỏ bé, hèn mọn, từ bỏ cái mịt mù vô nghĩa để tìm lại từ đầu một con đường đi đúng

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bt nâng cao. - Hướng dẫn HS viết bài - GV sửa bài Đưa đoạn văn mẫu	
---	--

Củng cố, dặn dò

TUẦN 10

I. Mục tiêu cần đạt

Giúp HS:

1. **Kiến thức:** Hệ thống lại kiến thức văn bản “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”.
2. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết văn nghị luận văn học.
3. **Thái độ:** Trân trọng tri ân những người nông dân nghĩa sĩ; tấm gương vì nước vì dân của Nguyễn Đình Chiểu.

II.Nội dung

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
Tiết 1: Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm đề 1. - GV ghi đề lên bảng. - Hệ thống lại kiến thức văn bản “Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc”. - Hướng dẫn HS làm dàn bài. - Hoạt động nhóm + Nhóm 1-2: Vẽ đẹp giản dị, mộc mạc của những người nông dân nghĩa sĩ?	<u>Đề bài :</u> <i>Vẽ đẹp hình tượng người nghĩa sĩ nông dân trong bài văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu</i> A- Tìm hiểu đề * Vấn đề cần nghị luận: Vẽ đẹp hình tượng người nghĩa sĩ nông dân trong bài văn tế * Yêu cầu nội dung của bài viết: Làm rõ những vẻ đẹp: + Mộc mạc, giản dị + Nghĩa khí, anh dũng * Yêu cầu về phương pháp, pháp vi dẫn chứng + Thao tác phân tích, bình luận, chứng minh + Dẫn chứng: Bài văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc B- Lập dàn ý I/MB: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu luận đề. <u>II/TB:</u> <u>1- Vẻ đẹp giản dị, mộc mạc</u> - Xuất thân: Những người nông dân giản dị, thuần phác, những người “ dân ấp, dân lân” quanh năm “ quen với ruộng trâu” “ làng bộ”, thuần thực việc cày cấy - Cuộc sống: Cui cút, thâm lặng, quanh năm toan lo nghèo khó. Xa lạ ngỡ ngàng với chiến tranh, vũ khí

+ Nhóm 3+4: Vẽ đẹp nghĩa khí, anh hùng?	- Suy nghĩ: Giản dị thuần nông, cách cảm thù địch chất Nam Bộ “ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ” - Trang bị khi ra trận: Mộc mạc, thô sơ “áo vải, gậy tầm vông, rơm con cúi, lưỡi dao phay...những sản phẩm của nhà nông. Ra trận không cần luyện tập võ nghệ, chẳng đòi học binh thư binh pháp Hình tượng tương phản hoàn toàn với người lính khi ra trận : “ <i>Ngang lưng thì thắt bao vàng</i> <i>Đầu đội nón dẫu, vai mang súng dài</i> <i>Một tay thì cắp hoả mai</i> <i>Một tay cắp giáo uan sai xuống thuyền</i> → Người nghĩa sĩ được vẽ bằng những nét vẽ chân thực, giản dị nhưng không kém phần hào hùng: Coi thường cái chết, coi thường những thiếu thốn khó khăn về vật chất <u>2- Vẽ đẹp nghĩa khí- anh hùng:</u> - Người nông dân căm thù giặc sâu sắc, uất ức trước hành động ngang ngược của kẻ thù, sục sôi trước tội ác của chúng. <i>Bữa thấy bông bong che trắng lớp</i> <i>Ngày xem ống khói chạy đen sì .</i> - ý thức trách nhiệm sâu sắc về độc lập lãnh thổ và giang sơn, không dung thứ cho tội ác, sự giả dối của kẻ thù <i>Một mối xa thư đồ sộ.</i> <i>Hai vầng nhật nguyệt chói lòe.</i> - Hành động tự nguyện, sẵn sàng xả thân vì nghĩa lớn, tự giác tham gia chiến tranh “mến nghĩa làm quân chiêu mộ”, không chờ sự thúc giục, hối thúc của quan trên “chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi...” “nào đờ i j ai đòi ai bắt..” Chiến đấu vì độc lập giang sơn, Tổ quốc nê người nghĩa sĩ trong bài “ văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc” khác xa v ới thái độ của người lính nông dân xưa khi phải chiến đấu bảo vệ cho quyền lợi của giai cấp thống trị <i>Thùng thùng trống đánh ngũ liên</i> <i>Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa</i>
--	--

- Hướng dẫn HS kết bài. - Tiết 2: Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bt nâng cao. - Hướng dẫn HS viết bài - GV sửa bài Đưa đoạn văn mẫu	- Tinh thần dũng cảm, khí thế chiến đấu hào hùng, hành động như vũ bão: “ đâm ngang, chém ngược” “ hè trước, ó sau” “ đập rào lướt tới, xô cửa xông vào”. Tinh thần dũng cảm “ Coi giặc cũng như không” “ liều mình như chẳng có” “ Nào sợ thằng tây” “ Chi nhọc quan quân giống trống kì trống giục” - Tinh thần nghĩa khí bất khuất : + Mang quan niệm sống tích cực “ sống đánh giặc. Thác cũng đánh giặc” + Sẵn sàng hi sinh cho lí tưởng “ thác mà đặt câu địch khái” + Mang tư tưởng của thời đại “ Chết vinh còn hơn sống nhục” III/KB: - Khái quát lại nội dung, nghệ thuật. - Liên hệ bản thân. <i>Đề 2: Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ của em về hình tượng người nông dân nghĩa sĩ?</i>
---	--

Củng cố, dặn dò

TUẦN 11

I. Mục tiêu cần đạt

Giúp HS:

1. **Kiến thức:** Hệ thống lại kiến thức văn bản “Hai đứa trẻ”.
2. **Kĩ năng:** Rèn kĩ năng viết văn nghị luận văn học.
3. **Thái độ:** Thông cảm đời sống người dân trước Cách mạng tháng Tám, trân trọng tấm lòng nhà văn Thạch Lam..

II.Nội dung

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung cần đạt
Tiết 1: Hoạt động 1: Hướng dẫn HS làm đề 1. - GV ghi đề lên bảng. - Hệ thống lại kiến thức văn bản “Vào phủ chúa Trịnh”. - Hướng dẫn HS làm dàn bài. - Hoạt động nhóm + Quang cảnh trong phủ chúa được giới thiệu ntn? + Nhóm 1: Quang cảnh bên ngoài? + Nhóm 2: Những nghi thức, cung cách sinh hoạt trong phủ chúa?	Đề bài: <i>Bức tranh phố huyện và tư tưởng chủ đề của truyện ngắn “Hai đứa trẻ”</i> A- Tìm hiểu đề * Vấn đề cần nghị luận: - Bức tranh thiên nhiên, cuộc sống con người nơi phố huyện - Tư tưởng của Thạch Lam * Yêu cầu nội dung của bài viết - Làm nổi bật bức tranh nghèo nàn xơ xác, lụi tàn - Bật tư tưởng nhân đạo, nhân văn của Thạch Lam * Yêu cầu về phương pháp: - Sử dụng thao tác lập luận phân tích, bình luận - Dẫn chứng truyện ngắn “ Hai đứa trẻ” B- Lập dàn ý I/MB: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Nêu luận đề. II/TB <u>1- Bức tranh phố huyện</u> <u>a- Bức tranh thiên nhiên, cuộc sống lụi tàn</u> - Thời gianTheo vòng quay uể oải của thời gian, Thạch Lam đã lựa chọn một thời điểm thích hợp để miêu tả sự tàn lụi : “<i>Một buổi chiều quê man mác</i>” “<i>Một đêm mùa hạ êm như nhung nhưng buồn xáo xác</i>” - Không gian:Cảnh ngày tàn, đêm khuya buồn bã được

+ Nhóm 5: Nét đặc sắc trong bút pháp kí sự của tác giả? + Nhóm 6: Giá trị của đoạn trích? Kết bài? Tiết 2: Hoạt động 2: Hướng dẫn HS làm bt nâng cao. - Hướng dẫn HS viết bài - GV sửa bài Đưa đoạn văn mẫu	phẳng lặng (Xuân Diệu) <i>Quần quanh mãi với vài ba dáng điệu Tới hay lui cũng ngần ấy mặt người Vì quá thân nên quá đổi buồn cười Môi nhắc lại cũng ngần ấy chuyện</i> (Quần quanh- Huy Cận) * Những kiếp người sống lay lắt với những hi vọng mơ hồ, mong manh - Cuộc đời tập trung thu gọn trong những ánh sáng yếu ớt “ thứ bóng tối nhẵn nại uất ức của thôn quê” (Thế Lữ) - Hi vọng mng manh, đó là chủ nhân của những hi vọng hảo(Nhất linh) : ước mơ gửi gắm vào vũ trụ thăm thẳm xa xôi của vòm trời đêm hàng ngàn ngôi sao lấp lánh, chỉ làm mỗi trí nghĩ thơ ngây...vào con tàu chọt đến rồi chọt đi như những con thoi ánh sáng để rồi luyến tiếc băng khuâng gửi gắm theo những vệt than hồng bay tung. <u>2- Chủ đề tư tưởng:</u> a- Giá trị hiện thực: - Không gay gắt, quyết liệt như “ Tắt đèn” , bước đường cùng, Chí phèo..” Giá trị tố cáo của “ Hai đứa trẻ” không bật lên từ những xung đột, mâu thuẫn. Chỉ dựng lên một khoảnh khắc của thời gian, một lát cắt của cuộc đời, “ Hai đứa trẻ vẫn giàu chất triết lí” + Đó là một thế giới già nua, cần cỗi đang đi dần vào tàn lụi + Đó là cuộc sống tăm tối của những kiếp người trước cách mạng tháng 8/ 1945 + Cuộc đời của những con người lầm lụi, vô nghĩa, những đứa trẻ thơ- mầm non của sự sống- sớm bị đánh cắp tuổi thơ
---	--